TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **45**/2025/QĐ-PT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên họp: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 367/2024/QĐST-HC ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 204, khoản 2 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai", giữa:

* *Người khởi kiện:* Bà Tô Thị B, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

** Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội;

2. Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, TP ..

Tại đơn kháng cáo đề ngày 03/01/2025, người khởi kiện là bà Tô Thị B kháng cáo toàn bộ đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 367/2024/QĐST-HC ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có ý kiến thể hiện: Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đã hết, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là đúng quy định, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 367/2024/QĐST-HC ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng phúc thẩm thấy:

Năm 2009, UBND huyện Đ tiến hành thu hồi đất trên địa bàn huyện Đ để thực hiện Dự án xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N. Bà Tô Thị B cho rằng UBND huyện Đ có thu hồi 144m^2 đất rau xanh của gia đình bà để thực hiện dự án nhưng không bồi thường cho gia đình bà. Từ năm 2010, bà Tô Thị B đã bắt đầu khiếu nại việc UBND huyện Đ và UBND xã N không bồi thường. UBND huyện Đ và UBND xã N đã nhiều lần ban hành thông báo, văn bản trả lời đơn kiến nghị, khiếu nại của bà Tô Thị Bến .

Nhận thấy: Hộ gia đình bà B có 02 khẩu được giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP với tổng diện tích 1.080m^2 (trong đó: đất giao ổn định là 240m^2 và đất giao theo nhân khẩu nông nghiệp là 840m^2). Tháng 4/2000, hộ gia đình bà B có đơn xin giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp với tổng diện tích 1.105m^2 và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp được cấp là 1.105m^2 gồm các xứ đồng: xứ đồng Cửa Ngòi diện tích 314m^2, xứ đồng Rau Xanh diện tích 240m^2, xứ đồng Bãi Đường (2 thửa) diện tích 299m^2 và 252m^2. Qua kiểm tra, hộ bà B không có bất kỳ diện tích đất nông nghiệp nào (giao theo Nghị định 64/NĐ-CP hoặc thầu khoán) nằm trong chỉ giới GPMB dự án Xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N. Do vậy, việc gia đình bà Tô Thị B kiến nghị thiếu 144m^2 đất rau xanh và yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ GPMB tại dự án xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N là không có cơ sở.

Đến năm 2013, bà Tô Thị B đã nhận được Văn bản 1026/UBND-GPMB ngày 11/12/2013 của UBND huyện Đ có nội dung xác định việc gia đình bà Tô Thị B kiến nghị thiếu 144m^2 đất rau xanh và yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ GPMB tại Dự án xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N là không có cơ sở. Sau đó, do không đồng ý nên bà B tiếp tục nhiều lần làm đơn khiếu nại, kiến nghị.

Đến năm 2016, bà B nhận được Thông báo số 48/TB-UBND ngày 20/9/2016 của UBND xã N, huyện Đ có nội dung: UBND xã N đã giao đủ diện tích đất nông nghiệp cho hộ gia đình bà Tô Thị B; UBND xã N đã tổ chức các hội nghị giải quyết và trả lời (đơn kiến nghị) tại các Thông báo số 07/TB-UBND ngày 25/3/2010, Thông báo số 27/TB-UBND ngày 29/8/2012 và ngày 11/12/2013, UBND huyện Đ đã có Văn bản số 1026/UBND-GPMB về việc kiến nghị của bà Tô Thị B với nội dung xác định hộ bà B không có bất kỳ diện tích đất nông nghiệp nào (giao theo Nghị định 64/NĐ-CP hoặc thầu khoán) nằm trong chỉ giới GPMB dự án Xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N. Do vậy, việc gia đình bà Tô Thị B kiến nghị thiếu 144m^2 đất rau xanh và yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ GPMB tại dự án xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N là không có cơ sở.

Năm 2021, bà B nhận được Văn bản số 1084/UBND-TTQĐ ngày 16/4/2021 của UBND huyện Đ có nội dung: *"Ngày 11/12/2013, UBND huyện Đ có Văn bản so 1026/UBND-GPMB trả lời kiến nghị của bà Tô Thị B, thôn S, xã N về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi bị thu hồi đất tại dự án Xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N. UBND huyện Đ thông tin để bà Tố Thị B1 được biết."* Sau đó, bà Tô Thị B không tiếp tục khiếu nại, đơn từ gì thêm nữa.

Ngày 26/8/2022, bà Tô Thị B làm đơn khởi kiện "Hành vi không bồi thường, không chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N" của UBND huyện Đ, và UBND xã N, huyện Đ đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Như vậy, từ năm 2013, bà B đã nhận được Văn bản 1206/UBND-GPMB ngày 11/12/2013 của UBND huyện Đ với nội dung trả lời yêu cầu bồi thường của bà Tô Thị B là không có cơ sở; các văn bản sau này của UBND huyện Đ và UBND xã N đều dẫn chiếu đến Văn bản 1206/UBND-GPMB và không giải quyết gì mới liên quan đến yêu cầu bồi thường của bà Tô Thị B, nên không phải là các văn bản giải quyết khiếu nại. Mặc dù không gặp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào để thực hiện quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật nhưng đến ngày 26/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mới nhận được đơn khởi kiện của bà Tô Thị B đối với "Hành vi không bồi thường, không chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng đường nối từ cầu N đến sân bay N" của UBND huyện Đ là đã quá thời hạn 01 năm; căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ khoản 5 Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 204, khoản 2 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án với lý do đã hết thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Tô Thị B; cần giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng do bà Tô Thị B là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Tô Thị Bến .

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 243 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Tô Thị B; giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 367/2024/QĐST-HC ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Tô Thị B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ)*
- *Lưu Hồ sơ; HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THẨM PHÁN

Phạm Văn Nam **Bùi Xuân Trọng**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Vũ Thị Thu Hà